

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN**

Lớp: **TKD21B3LX** Năm học: **21-22**  
Mã môn học/ Mô đun: **MH02241** Học kỳ: **01**  
Tên môn học/ Mô đun: **Thống kê ứng dụng**  
Số tín chỉ: **2**

| STT | MSHS       | Họ tên                 | Ngày sinh  | Hệ số 1 |  |    |    | Hệ số 2 |    |  |  | ThiL1 | ThiL2 | ĐMH/<br>MD |
|-----|------------|------------------------|------------|---------|--|----|----|---------|----|--|--|-------|-------|------------|
| 1   | 21BTKD0509 | Cù Thị Thúy An         | 03/10/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 2   | 21BTKD0510 | Nguyễn Thùy Anh        | 09/04/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 3   | 21BTKD0511 | Lê Nguyễn Ngọc Bích    | 07/10/2006 |         |  | 8  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.5        |
| 4   | 21BTKD0512 | Nguyễn Thị Ngọc Châu   | 20/09/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 5   | 21BTKD0513 | Lê Văn Giàu            | 17/07/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 6   | 21BTKD0514 | Huỳnh Thị Thúy Hằng    | 31/10/2005 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 7   | 21BTKD0515 | Nguyễn Hồ Ngọc Hân     | 02/09/2004 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 8   | 21BTKD0516 | Nguyễn Minh Huy        | 19/09/2005 |         |  | 10 | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.7        |
| 9   | 21BTKD0517 | Phạm Ngọc Hữu          | 08/12/2004 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 10  | 21BTKD0518 | Đỗ Trí Khải            | 28/02/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 11  | 21BTKD0519 | Phạm Duy Khang         | 28/09/2004 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 12  | 21BTKD0520 | Phan Trương Hải Ngân   | 14/06/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 13  | 21BTKD0521 | Nguyễn Yển Ngọc        | 05/11/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 14  | 21BTKD0522 | Nguyễn Hữu Ngự         | 17/07/2006 |         |  | 10 | 10 | 10      | 10 |  |  | 10.0  |       | 10.0       |
| 15  | 21BTKD0523 | Thái Thị Hồng Nhung    | 15/01/2006 |         |  | 10 | 5  | 5       | 5  |  |  | 0.0   | 8.0   | 7.1        |
| 16  | 21BTKD0524 | Võ Cẩm Nhung           | 05/08/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 17  | 21BTKD0525 | Lâm Tâm Như            | 08/05/2006 |         |  | 10 | 9  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 1.3        |
| 18  | 21BTKD0526 | Võ Thị Yển Như         | 08/08/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 19  | 21BTKD0527 | Võ Minh Phúc           | 06/10/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 20  | 21BTKD0528 | Đặng Nguyễn Kim Phương | 18/09/2006 |         |  | 9  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.6        |
| 21  | 21BTKD0529 | Nguyễn Thị Thu Quyên   | 10/06/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 22  | 21BTKD0530 | Lữ Thanh Tài           | 19/04/2003 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 23  | 21BTKD0531 | Trương Ngọc Anh Thư    | 08/03/2005 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 24  | 21BTKD0532 | Trần Huỳnh Trân        | 19/08/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 25  | 21BTKD0533 | Ngô Võ Thanh Trí       | 03/07/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 26  | 21BTKD0534 | Vương Ngọc Trí         | 02/11/2006 |         |  | 10 | 10 | 10      | 10 |  |  | 10.0  |       | 10.0       |
| 27  | 21BTKD0535 | Trương Thị Bích Tuyền  | 16/03/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 28  | 21BTKD0536 | Nguyễn Tịnh Vân        | 10/10/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 29  | 21BTKD0537 | Huỳnh Thị Hoàng Y      | 27/05/2006 |         |  | 8  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.5        |
| 30  | 21BTKD0570 | Nguyễn Huỳnh Mỹ An     | 14/01/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 31  | 21BTKD0571 | Phan Ngọc Quỳnh Như    | 02/12/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 32  | 21BTKD0572 | Võ Thị Xuân Quỳnh      | 26/11/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 33  | 21BTKD0579 | Nguyễn Huỳnh Như       | 17/04/2006 |         |  | 0  | 0  | 0       | 0  |  |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |

| STT | MSHS | Họ tên | Ngày sinh | Hệ số 1 | Hệ số 2 | ThiL1 | ThiL2 | ĐMH/<br>MĐ |
|-----|------|--------|-----------|---------|---------|-------|-------|------------|
|-----|------|--------|-----------|---------|---------|-------|-------|------------|

*Châu Đốc, ngày 22 tháng 9 năm 2022*

**TP. Đào tạo**

**Giáo viên giảng dạy**

**Ths. Trần Thanh Dũng**

**Từ Cao Thanh Hà**